



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 10 tháng 7 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty là 7.293.130 triệu VND (2017: 8.681.594 triệu VND).

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 17 tháng 5 năm 2018 và đã được thực hiện trong Quý 3 năm 2018.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Hung Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2019





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 47.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-00073-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2040-2018-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>883.016.799.690</b>	<b>1.510.449.428.243</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>299.197.614.989</b>	<b>515.263.544.879</b>
Tiền	111		267.297.614.989	12.653.544.879
Các khoản tương đương tiền	112		31.900.000.000	502.610.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>546.430.640.742</b>	<b>947.704.703.609</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	70.798.261.210	1.433.459.640
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.049.490.139	6.821.643.641
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	470.400.000.000	519.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.182.889.393	419.549.600.328
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.003.971.509</b>	<b>671.867.964</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.384.572.450</b>	<b>46.809.311.791</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	24.703.655.577	29.684.808.361
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		582.646.711	2.020.714.903
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	11.098.270.162	15.103.788.527

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>35.195.468.020.706</b>	<b>26.349.038.467.430</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.099.000.000</b>	<b>4.099.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		4.099.000.000	4.099.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>92.864.513.263</b>	<b>55.483.372.004</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	51.406.081.966	26.113.605.095
Nguyên giá	222		105.708.056.943	69.208.490.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.301.974.977)	(43.094.885.046)
Tài sản cố định vô hình	227	10	41.458.431.297	29.369.766.909
Nguyên giá	228		47.259.621.840	31.969.306.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.801.190.543)	(2.599.539.731)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>201.177.059.811</b>	<b>215.668.517.343</b>
Nguyên giá	231		295.423.374.882	295.423.374.882
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(94.246.315.071)	(79.754.857.539)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>20.901.654.922</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		-	20.901.654.922
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>34.803.904.800.000</b>	<b>26.046.404.800.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		34.803.204.800.000	26.045.704.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>93.422.647.632</b>	<b>6.481.123.161</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	93.422.647.632	6.481.123.161
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>36.078.484.820.396</b>	<b>27.859.487.895.673</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.624.350.630.791</b>	<b>529.208.815.969</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>925.350.630.791</b>	<b>529.208.815.969</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.192.330.039	29.848.191.210
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	172.671.015	595.023.490
Phải trả người lao động	314		1.644.736.794	1.470.758.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.423.057.108	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	4.670.415.465
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.805.683.823	2.082.746.028
Vay ngắn hạn	320	15.1	376.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	537.112.152.012	490.541.681.776
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>699.000.000.000</b>	<b>-</b>
Vay dài hạn	338	15.2	699.000.000.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>34.454.134.189.605</b>	<b>27.330.279.079.704</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>34.454.134.189.605</b>	<b>27.330.279.079.704</b>
Vốn cổ phần	411	18	21.239.071.660.000	15.170.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.239.071.660.000	15.170.790.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.202.198.967.068
Cổ phiếu quỹ	415		-	(1.693.270.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		902.000.000.000	502.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.101.502.113.335	8.456.983.382.636
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.808.371.722.636	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.293.130.390.699	8.456.983.382.636
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>36.078.484.820.396</b>	<b>27.859.487.895.673</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>144.749.999.691</b>	<b>78.390.832.436</b>
<b>Giá vốn dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>113.528.354.103</b>	<b>58.903.382.931</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>31.221.645.588</b>	<b>19.487.449.505</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.338.449.240.184	9.383.728.942.725
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			7.296.101.907.388	9.359.793.869.120
Chi phí tài chính	22	24	7.794.240.128	678.803.840.941
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		23	5.494.246.371	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	67.170.381.164	48.564.330.774
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>7.294.706.264.480</b>	<b>8.675.848.220.515</b>
Thu nhập khác	31		5.878.321.906	6.123.361.147
Chi phí khác	32		3.448.677.322	377.389.359
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.429.644.584</b>	<b>5.745.971.788</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7.297.135.909.064</b>	<b>8.681.594.192.303</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>27</b>	<b>4.005.518.365</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>7.293.130.390.699</b>	<b>8.681.594.192.303</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.297.135.909.064</b>	<b>8.681.594.192.303</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		27.102.598.275	22.455.364.318
Các khoản dự phòng	03		-	(93.386.346.727)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.299.993.757	1.414.111
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.338.449.240.184)	(8.611.542.411.710)
Chi phí lãi vay	06		5.494.246.371	-
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(6.416.492.717)</b>	<b>(877.787.705)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(58.139.988.523)	18.525.482.216
Biến động hàng tồn kho	10		(332.103.545)	(178.212.379)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.001.105.915)	15.992.767.379
Biến động chi phí trả trước	12		2.522.297.113	(29.231.953.715)
			<b>(77.367.393.587)</b>	<b>4.230.295.796</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(86.471.214.242)	(20.922.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(144.069.064.861)	(107.091.863.671)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(307.907.672.690)</b>	<b>(107.882.490.097)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(29.739.702.740)	(14.907.928.524)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.235.100.000.000)	(1.374.350.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.284.600.000.000	1.329.450.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(8.257.500.000.000)	(17.086.350.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.432.432.695.518
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		7.245.767.889.095	10.615.840.603.360
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(991.971.813.645)</b>	<b>(5.097.884.629.646)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.424.719.202	5.056.285.360.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.873.300.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(799.500.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36		(311.169.000)	(63.505.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.084.913.550.202</b>	<b>5.056.221.854.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(214.965.936.133)</b>	<b>(149.545.265.243)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		515.263.544.879	664.810.224.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.099.993.757)	(1.414.111)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>299.197.614.989</b>	<b>515.263.544.879</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### **1.2 Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **1.4 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 11 công ty con cấp 1 (1/1/2018: 11 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 5.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 109 nhân viên (1/1/2018: 88 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **3.3 Các khoản đầu tư**

##### **3.3.1 Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **3.3.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

#### **3.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### **3.5.1 Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **3.5.2 Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 10 năm     |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 7 năm  |

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **3.6 Tài sản cố định vô hình**

##### **3.6.1 Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

##### **3.6.2 Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

#### **3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê**

##### **3.7.1 Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

##### **3.7.2 Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

#### **3.8 Chi phí trả trước dài hạn**

##### **3.8.1 Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **3.8.2 Chi phí sửa chữa văn phòng**

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

#### **3.8.3 Chi phí quảng cáo**

Chi phí quảng cáo bao gồm các chi phí quảng cáo hình ảnh và marketing của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

#### **3.8.4 Chi phí làm thủ tục vay**

Chi phí liên quan đến khoản vay bao gồm các chi phí dàn xếp, chi phí đảm bảo và phí đại lý. Chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian của khoản vay là 5 năm.

### **3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### **3.10 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### **3.11 Vốn cổ phần**

#### **3.11.1 Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa tiền thu từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **3.11.2 Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động**

Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **3.11.3 Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ**

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho người lao động đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

#### **3.12 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### **3.12.1 Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

### **3.12.2 Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **3.13 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **3.14 Doanh thu và thu nhập khác**

##### **3.14.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **3.14.2 Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

##### **3.14.3 Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **3.14.4 Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **3.15 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 3.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	459.625.055	38.951.502
Tiền gửi ngân hàng	266.837.989.934	12.614.593.377
Các khoản tương đương tiền	31.900.000.000	502.610.000.000
	<hr/>	<hr/>
	299.197.614.989	515.263.544.879

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 231.499 triệu VND (1/1/2018: Không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2018			1/1/2018		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>						
▪ <b>Công ty con</b>						
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,96%	99,96%	845.030.800.000	99,96%	99,96%	845.030.800.000
- Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	99,99%	99,99%	3.595.924.000.000	99,99%	99,99%	3.595.924.000.000
- Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất (i)	99,20%	99,20%	21.687.500.000.000	98,67%	98,67%	14.800.000.000.000
- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	100,00%	100,00%	600.000.000.000	100%	100%	600.000.000.000
- Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát (ii)	99,97%	99,97%	1.499.500.000.000	99,95%	99,95%	999.500.000.000
- Công ty TNHH Tôn Hòa Phát (i)	100,00%	100,00%	1.500.000.000.000	100%	100%	1.000.000.000.000
- Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát (i)	99,86%	99,86%	349.500.000.000	99,72%	99,72%	179.500.000.000
- Công ty CP Nội Thất Hòa Phát	99,60%	99,60%	398.400.000.000	99,60%	99,60%	398.400.000.000
- Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000	99,67%	99,67%	149.500.000.000
- Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát (i)	99,85%	99,85%	1.298.000.000.000	99,67%	99,67%	598.000.000.000
- Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,99%	99,99%	2.879.850.000.000	99,99%	99,99%	2.879.850.000.000
			<u>34.803.204.800.000</u>			<u>26.045.704.800.000</u>
▪ <b>Đơn vị khác</b>						
- Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7%	7,99%	700.000.000	7%	7,99%	700.000.000
			<u>34.803.904.800.000 (*)</u>			<u>26.046.404.800.000 (*)</u>

Các công ty con và đơn vị khác được thành lập tại Việt Nam.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn bằng tiền vào các công ty này.
- (ii) Trong năm, Công ty đã góp thêm 500.000 triệu VND vào Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát thông qua việc việc đối trừ khoản cổ tức phải thu từ công ty này.
- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát	20.165.444.109	-
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	17.089.050.191	9.228.105
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	13.738.800.514	10.396.729
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	5.351.061.625	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	5.898.012.984	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	5.170.673.730	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	264.676.742	-
Các bên liên quan khác	3.116.162.659	1.356.161.318
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	4.378.656	57.673.488
	70.798.261.210	1.433.459.640

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	156.000.000.000	156.000.000.000
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	71.700.000.000	-
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	69.600.000.000	93.000.000.000
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	34.000.000.000	-
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	21.000.000.000	-
Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	20.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	19.600.000.000	45.500.000.000
Công ty TNHH Chế tạo máy Xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	17.800.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Long Việt	17.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	13.200.000.000	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	10.500.000.000	134.000.000.000
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	-	85.400.000.000
	470.400.000.000	519.900.000.000

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong năm, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định từ 1% đến 6%/năm (2017: 1%/năm).

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền lãi dự thu	141.342.458	1.447.939.179
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ công ty con	-	417.232.532.135
Phải thu khác	1.041.546.935	869.129.014
	1.182.889.393	419.549.600.328

Lợi nhuận phải thu từ các công ty con không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	4.461.631.355	41.803.790.030	22.943.068.756	69.208.490.141
Tăng trong năm	-	-	2.816.280.000	3.976.622.874	6.792.902.874
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	24.860.459.741	1.970.850.390	-	2.875.353.797	29.706.663.928
Số dư cuối năm	24.860.459.741	6.432.481.745	44.620.070.030	29.795.045.427	105.708.056.943
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	2.718.571.941	24.349.956.482	16.026.356.623	43.094.885.046
Khấu hao trong năm	2.386.410.951	907.631.281	5.220.971.096	2.692.076.603	11.207.089.931
Số dư cuối năm	2.386.410.951	3.626.203.222	29.570.927.578	18.718.433.226	54.301.974.977
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	-	1.743.059.414	17.453.833.548	6.916.712.133	26.113.605.095
Số dư cuối năm	22.474.048.790	2.806.278.523	15.049.142.452	11.076.612.201	51.406.081.966

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 27.594 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 23.349 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	3.213.898.140	31.969.306.640
Tăng trong năm	-	12.539.565.200	12.539.565.200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.750.750.000	2.750.750.000
<hr/>			
Số dư cuối năm	28.755.408.500	18.504.213.340	47.259.621.840
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	2.599.539.731	2.599.539.731
Khấu hao trong năm	-	3.201.650.812	3.201.650.812
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	5.801.190.543	5.801.190.543
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	614.358.409	29.369.766.909
Số dư cuối năm	28.755.408.500	12.703.022.797	41.458.431.297

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 2.355 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 2.355 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	295.423.374.882
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	79.754.857.539
Khấu hao trong năm	14.491.457.532
Số dư cuối năm	94.246.315.071
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	215.668.517.343
Số dư cuối năm	201.177.059.811

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**12. Chi phí trả trước****12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Chi phí quảng cáo	13.656.004.222	17.805.616.521
Chi phí thuê văn phòng	10.357.865.104	10.147.434.018
Chi phí khác	689.786.251	1.731.757.822
	<b>24.703.655.577</b>	<b>29.684.808.361</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí quảng cáo VND	Chi phí làm thủ tục vay VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	4.462.366.036	-	-	2.018.757.125	6.481.123.161
Tăng trong năm	67.668.000	531.805.792	6.740.645.455	85.853.157.895	156.109.091	93.349.386.233
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.261.427.490	-	-	-	-	2.261.427.490
Phân bổ trong năm	(713.864.341)	(1.563.714.789)	(2.261.481.428)	(3.877.239.389)	(252.989.305)	(8.669.289.252)
Số dư cuối năm	1.615.231.149	3.430.457.039	4.479.164.027	81.975.918.506	1.921.876.911	93.422.647.632

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<b><i>Công ty con</i></b>		
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	2.163.000	7.557.858.789
Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	4.950.000	-
<b>Bên khác</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	797.349.574	11.855.802.457
Công ty TNHH Dentsu Việt Nam	474.115.950	4.872.070.000
Các nhà cung cấp khác	5.913.751.515	5.562.459.964
	<hr/> 7.192.330.039	<hr/> 29.848.191.210

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ với thuế phải thu trong năm VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	-	15.648.538.702	(15.581.277.037)	11.369.174	67.261.665
Thuế thu nhập cá nhân	-	492.083.490	1.300.291.307	(1.686.965.447)	-	105.409.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.092.419.353	-	4.005.518.365	-	11.086.900.988	-
Thuế nhà thầu	-	-	4.323.319.737	(4.323.319.737)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	535.044.239	(535.044.239)	-	-
Thuế, phí khác	-	102.940.000	497.965.796	(600.905.796)	-	-
	15.103.788.527	595.023.490	26.310.678.146	(22.727.512.256)	11.098.270.162	172.671.015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Vay****15.1 Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	1.175.500.000.000	(799.500.000.000)	376.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>				
<i>Công ty con</i>				
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	VND	0%	26.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	VND	5%	50.000.000.000	-
<b>Bên khác</b>				
Vay cá nhân	VND	9,6%	300.000.000.000	-
			376.000.000.000	-

Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

**15.2 Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất Năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng BNP Paribas	USD	LIBOR + 2,05%	2023	699.000.000.000	-

Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ quyền của Công ty đối với tài khoản thanh toán nợ tại Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội cùng với tất cả các lợi ích cộng dồn hoặc phát sinh liên quan đến tài khoản thanh toán nợ này (Thuyết minh 4) và được bảo lãnh bởi hai công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Thép Hải Dương và Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	490.541.681.776	194.540.281.256
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	180.700.000.000	398.481.582.484
Sử dụng trong năm	(134.129.529.764)	(102.480.181.964)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	537.112.152.012	490.541.681.776
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	8.428.749.560.000	674.149.437.068	(1.093.000.000)	502.000.000.000	4.368.745.233.712	13.972.551.230.780
Vốn cổ phần	2.528.235.830.000	2.528.235.830.000	-	-	-	5.056.471.660.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	8.681.594.192.303	8.681.594.192.303
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	4.213.804.610.000	-	-	-	(4.213.804.610.000)	-
Thu hồi cổ phiếu tương cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(600.270.000)	-	600.270.000	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(398.481.582.484)	(398.481.582.484)
Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(28.000.000)	(28.000.000)
Biến động khác	-	(186.300.000)	-	-	18.357.879.105	18.171.579.105
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	15.170.790.000.000	3.202.198.967.068	(1.693.270.000)	502.000.000.000	8.456.983.382.636	27.330.279.079.704
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	7.293.130.390.699	7.293.130.390.699
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	6.068.281.660.000	-	-	-	(6.068.281.660.000)	-
Thu hồi cổ phiếu tương cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(370.000.000)	-	370.000.000	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	9.361.449.202	2.063.270.000	-	-	11.424.719.202
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	400.000.000.000	(400.000.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(180.700.000.000)	(180.700.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	21.239.071.660.000	3.211.560.416.270	-	902.000.000.000	9.101.502.113.335	34.454.134.189.605

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	2.123.907.166	21.239.071.660.000	1.517.079.000	15.170.790.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.123.907.166	21.239.071.660.000	1.517.079.000	15.170.790.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(169.327)	(1.693.270.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.123.907.166	21.239.071.660.000	1.516.909.673	15.169.096.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại và nắm giữ là cổ phiếu quỹ, tất cả các quyền đều bị treo cho đến khi tất cả các cổ phiếu này được phát hành lại.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	1.516.909.673	15.169.096.730.000	842.765.656	8.427.656.560.000
Phát hành cổ phiếu trong năm	-	-	252.823.583	2.528.235.830.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	606.828.166	6.068.281.660.000	421.380.461	4.213.804.610.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(37.000)	(370.000.000)	(60.027)	(600.270.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	206.327	2.063.270.000	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.123.907.166</b>	<b>21.239.071.660.000</b>	<b>1.516.909.673</b>	<b>15.169.096.730.000</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 19. Cổ tức

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 17 tháng 5 năm 2018 và đã được thực hiện trong Quý 3 năm 2018.

## 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 20.1 Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.001.058	231.524.837.010	1.154	26.150.772

### 20.2 Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	22.861.626.010	22.861.626.010
Trong vòng hai đến năm năm	91.446.504.041	91.446.504.041
Sau năm năm	94.179.067.387	121.694.102.489
	<u>208.487.197.438</u>	<u>236.002.232.540</u>

## 21. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	59.192.130.000	27.884.640.000
▪ Cung cấp dịch vụ	85.557.869.691	50.506.192.436
	<u>144.749.999.691</u>	<u>78.390.832.436</u>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	35.632.765.123	13.981.422.624
▪ Dịch vụ đã cung cấp	77.895.588.980	44.921.960.307
	<hr/> 113.528.354.103	<hr/> 58.903.382.931

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	42.347.332.796	23.935.073.605
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	7.296.101.907.388	9.359.793.869.120
	<hr/> 7.338.449.240.184	<hr/> 9.383.728.942.725

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí đi vay	5.494.246.371	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(93.386.346.727)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	772.186.531.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.242.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.299.993.757	1.414.111
	<hr/> 7.794.240.128	<hr/> 678.803.840.941

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	18.162.201.403	14.306.629.500
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	2.896.206.885	3.204.885.443
Chi phí khấu hao	11.419.561.250	8.096.552.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.954.491.844	14.238.746.209
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.737.919.782	8.717.517.434
	67.170.381.164	48.564.330.774

**26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	18.162.201.403	14.306.629.500
Chi phí khấu hao	27.102.598.275	22.455.364.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.773.426.486	62.365.591.959
Chi phí khác	7.737.919.782	8.717.517.434
	173.780.655.846	108.845.063.211

**27. Thuế thu nhập****27.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Năm hiện hành	206.800.335	-
Thuế TNDN trích bổ sung cho các năm trước	3.798.718.030	-
	4.005.518.365	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	7.297.135.909.064	8.681.594.192.303
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.414.111
Chi phí không được khấu trừ	-	752.121.402.644
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(7.296.101.907.388)	(9.359.793.869.120)
	1.034.001.676	73.923.139.938
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(73.923.139.938)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.034.001.676	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>206.800.335</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN trích bổ sung cho các năm trước	3.798.718.030	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.005.518.365</b>	<b>-</b>

**27.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **28. Các công cụ tài chính**

### **28.1 Quản lý rủi ro tài chính**

#### **28.1.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

#### **28.1.2 Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu và các khoản cho vay các công ty con.

### *Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng*

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	1/1/2018 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	298.738	515.225
Phải thu khách hàng và phải thu khác ngắn hạn và dài hạn	(b)	76.080	425.082
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(c)	470.400	519.900
		<hr/>	<hr/>
		845.218	1.460.207

### 28.2.1 Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

### 28.2.2 Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

### 28.2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

## 28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong 1 năm Triệu VND</b>	<b>Trong 1 - 2 năm Triệu VND</b>	<b>Trong 2 - 5 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 31/12/2018</b>					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	10.421	10.421	10.421	-	-
Các khoản vay	1.075.000	1.202.984	413.964	86.581	702.439
	<b>1.085.421</b>	<b>1.213.405</b>	<b>424.385</b>	<b>86.581</b>	<b>702.439</b>
<b>Ngày 1/1/2018</b>					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	31.931	31.931	31.931	-	-

**28.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**28.4.1 Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá từ giao dịch đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>USD</b>	<b>1/1/2018</b> <b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.001.058	1.154
Các khoản vay	(30.000.000)	-
	(19.998.942)	1.154

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
Tỷ giá mua USD/VND	23.150	22.735
Tỷ giá bán USD/VND	23.300	-

**28.4.2 Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2018</b> <b>Triệu VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>Triệu VND</b>
<b>Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	502.300	1.022.510
Nợ phải trả tài chính	(376.000)	-
	126.300	1.022.510
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Nợ phải trả tài chính	(699.000)	-

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 5.592 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2017: Không). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28.5 Giá trị hợp lý****28.5.1 So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	299.198	299.198	515.264	515.264
- Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	71.981	71.981	420.983	420.983
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	470.400	470.400	519.900	519.900
- Phải thu về phải thu dài hạn khác	4.099	(*)	4.099	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	34.803.905	(*)	26.046.405	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(10.421)	(10.421)	(31.931)	(31.931)
- Các khoản vay	(1.075.000)	(1.049.017)	-	-
	34.564.162	(*)	27.474.720	(*)

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 28.5.2 Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.482.583.245	1.775.760.000
Góp vốn	170.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	78.607.952.213	35.676.171.158
<b>Công ty CP Nội thất Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	6.950.199.260	10.137.600.000
Các khoản cho vay	155.500.000.000	11.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	134.500.000.000	36.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	234.130.721.310	362.215.386.374
<b>Công ty TNHH Óng Thép Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	32.580.051.773	12.244.264.597
Các khoản cho vay	251.100.000.000	495.450.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	251.100.000.000	495.450.000.000
Góp vốn	500.000.000.000	200.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	1.410.932.406.574	897.856.090.071



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	4.522.647.160	2.682.429.199
Các khoản cho vay	30.000.000.000	6.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	16.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	45.239.903.421	103.886.773.837
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	42.235.911.422	30.667.550.000
Các khoản cho vay	34.000.000.000	20.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	20.000.000.000
Các khoản đi vay	384.000.000.000	-
Thanh toán gốc vay	358.000.000.000	-
Góp vốn	-	1.000.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	4.723.312.153.138	6.061.874.559.995
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	-	998.900.000.000
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất</b>		
Cung cấp dịch vụ	11.741.023.907	2.394.000.000
Góp vốn	6.887.500.000.000	14.800.000.000.000
Các khoản cho vay	300.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	300.000.000.000	-
Các khoản đi vay	436.000.000.000	-
Thanh toán gốc vay	436.000.000.000	-
<b>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</b>		
Cung cấp dịch vụ	3.997.408.345	-
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	18.000.000.000	148.000.000.000
Các khoản đi vay	5.500.000.000	-
Thanh toán gốc vay	5.500.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	90.000.000.000	40.000.000.000
<b>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	20.046.569.835	11.198.028.640
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	532.257.893.640	506.047.608.809
Các khoản đi vay	50.000.000.000	-
<b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b>		
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	16.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	288.423.915.799
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	-	960.539.226.533

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</b>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	751.956.354.553
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	-	1.238.350.000.000
<b>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.694.342.381	2.553.600.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	181.620.877.092	311.857.008.524
Các khoản cho vay	254.000.000.000	134.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	377.500.000.000	-
Góp vốn	700.000.000.000	299.000.000.000
<b>Công ty TNHH Tôn Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.042.174.848	1.360.800.000
Các khoản cho vay	207.500.000.000	166.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	207.500.000.000	166.000.000.000
Góp vốn	500.000.000.000	-
<b>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</b>		
Góp vốn	-	787.350.000.000
<b>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.306.491.820	991.200.000
Các khoản cho vay	-	5.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	5.000.000.000
<b>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.446.104.056	1.459.500.000
Các khoản cho vay	89.600.000.000	45.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	113.000.000.000	81.500.000.000
<b>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai</b>		
Các khoản cho vay	153.400.000.000	135.400.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	238.800.000.000	50.000.000.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình</b>		
Các khoản cho vay	19.600.000.000	62.500.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	45.500.000.000	17.000.000.000
<b>Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	27.800.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	27.800.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty Quản lý khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A</b>		
Các khoản cho vay	132.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	132.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước</b>		
Các khoản cho vay	156.000.000.000	214.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	156.000.000.000	100.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên</b>		
Các khoản cho vay	216.700.000.000	8.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	145.000.000.000	8.000.000.000
<b>Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	40.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	20.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	30.900.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	30.900.000.000	-
<b>Công ty TNHH Chế tạo máy Xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	17.800.000.000	-
<b>Công ty CP Xây dựng Long Việt</b>		
Các khoản cho vay	17.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ</b>		
Các khoản cho vay	13.200.000.000	-
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy</b>		
Các khoản cho vay	55.000.000.000	2.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	55.000.000.000	2.000.000.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	2.878.055.107	1.893.934.466
Thù lao	2.724.000.000	1.225.240.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.068.281.660.000	4.213.804.610.000
Góp vốn vào công ty con thông qua bù trừ với khoản cổ tức phải thu	500.000.000.000	-

**31. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc